

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2021/DS-PT

Ngày: 06/12/2021

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền

Ông Đặng Văn Quyết

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hải Yến- Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên.

Ngày 06/12/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2020/TLPT- DS ngày 18/12/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS - ST ngày 09/10/2020 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Tạ Văn T, sinh năm 1987. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Đồng bị đơn: ông Tạ Văn H, sinh năm 1975, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979 và chị Tạ Thu Phương, sinh năm 1999. Vắng mặt.

HKTT: Thôn Tè, xã Song Vân, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Đều cư trú: Thôn Ngò, xã Song Vân, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Người đại diện theo uỷ quyền của ông H, bà N và chị Phương là: Ông Hoàng Kông Dinh, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn Đồng Phương, xã Ngọc Thiện, huyện T, tỉnh Bắc Giang và anh Hoàng Văn Sấn, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm Núi, xã Hà Châu, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Ông Dinh xin vắng mặt, ông Sấn vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đoàn Thị Nhung, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Ngò, xã Song Vân, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nhung là anh Tạ Văn T, sinh năm 1987.

- Ông Nguyễn Tuấn Dũng, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thị tứ xã Ngọc Vân, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Thọ Sơn, xã Sơn Thành Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- *Nguyên đơn anh Tạ Văn T trình bày:* Ngày 22/10/2015, anh Tạ Văn H, chị Nguyễn Thị N và cháu Tạ Thu Phương vay của vợ chồng anh số tiền 400.000.000 đồng. Hai bên lập hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa, mục đích ông H vay tiền để mua xe ô tô chở khách kinh doanh, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn cho vay là 06 tháng. Gia đình ông H đã thế chấp thửa đất số 80, tờ bản đồ số 16, diện tích 180m² và tài sản gắn liền trên đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Đã quá hạn trả nợ nhưng ông H, bà N và chị Phương chưa trả cho anh được khoản gốc và lãi nào. Nay anh yêu cầu vợ chồng ông H chị Phương phải trả cho vợ chồng anh 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến khi khởi kiện là 131.200.000 đồng. Anh không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Tại phiên toà, anh T yêu cầu ông H, bà N và chị Phương phải trả cho vợ chồng anh 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính theo mức 0,75%/tháng từ khi vay ngày 22/10/2015, đến khi xét xử ngày 09/10/2020, anh không yêu cầu tính lãi sau ngày xét xử vụ án. Anh không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

- *Bị đơn ông Tạ Văn H trình bày:* Gia đình ông có vay của anh T số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay tiền để mua xe ô tô chạy đường dài. Khi vay các bên có thỏa thuận lãi bằng miệng là 3%/ tháng. Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/10/2015. Đến nay chưa trả được số tiền gốc nào. Về tiền lãi, anh đã trả được tiền lãi hàng tháng là 12.000.000/tháng. Tổng cộng là 576.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh T đòi vợ chồng ông số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc và lãi 131.200.000 đồng tiền lãi thì vợ chồng ông đồng ý trả số tiền trên, nếu không trả được bằng tiền thì vợ chồng ông thế chấp mảnh đất theo giấy CNQSDĐ số X012819 vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00064 QSDĐ/ 18 QĐ CT – H cấp ngày 14/07/2003 mang tên hộ ông Tạ Văn H.

Tại phiên toà, ông H vẫn trình bày đã trả cho anh T tiền lãi mỗi tháng 12.000.000 đồng/tháng, tổng cộng đã trả được 546.000.000 đồng. Trong đó, đưa cho anh Dũng 27.000.000 đồng, qua chị Thảo 37.000.000 đồng, bản thân ông trực tiếp đến nhà anh T trả tiền nhiều lần, nhưng anh T không có ở nhà thì ông đã đưa tiền cho chị Nhung (vợ anh T) và anh Phú là người làm thuê của anh T, ông cũng nhờ anh Dũng và chị Thảo chuyển qua ngân hàng trả cho anh T khoảng 200.000.000 đồng và trực tiếp 1 lần ông đến ngân hàng chuyển khoản trả anh T 12.000.000 đồng ngày 08/3/2017. Nay ông không chấp nhận yêu cầu trả tiền như

anh T trình bày. Ông đề nghị trừ số tiền đã trả 546.000.000 đồng vào số nợ của anh T.

Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Vợ chồng bà có vay của anh Tạ Văn T số tiền 400.000.000 đồng. Trong thời gian 03 năm, vợ chồng bà vẫn trả lãi đầy đủ. Gần 01 năm nay, do xe bị tai nạn mấy lần, nguồn thu eo hẹp nên chưa thanh toán được cho anh T. Nay anh T yêu cầu trả tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 131.200.000 đồng thì gia đình bà đồng ý trả nhưng bà đề nghị cho thêm thời gian thu xếp trả nợ. Trường hợp không trả được tiền thì bà đồng ý thế chấp như hợp đồng đã ký ngày 22/10/2015. Bà thừa nhận trong hợp đồng có chữ ký của bà, chồng bà và con bà. Vì lý do công việc, bà ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng, mọi quyết định của ông H cũng là quyết định của bà. Tại phiên tòa, bà N vắng mặt.

- *Đồng bị đơn chị Tạ Thu Phương trình bày:* Như bà N đã trình bày, chị thừa nhận trong hợp đồng có chữ ký của bố, của mẹ chị và của chị. Vì lý do học tập, chị ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng, mọi quyết định của ông H cũng là quyết định của chị Phương.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Nhung cũng trình bày: Như lời anh T đã trình bày và chị ủy quyền cho anh T tham gia tố tụng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hoàng Kông Dinh trình bày:

Một là: Ông H đã nộp chứng từ gửi tiền vào tài khoản của ông T qua ngân hàng, ông là người đã nộp các chứng cứ này cho Tòa án. Ông T phủ nhận việc này thì đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra làm rõ việc ông H có chuyển tiền cho ông T hay không.

Hai là: Mã thanh toán anh T gửi qua zalo cho ông H ghi rất rõ, tính đến ngày 23/01/2019 ông H còn nợ 91.000.000 đồng. Nên rõ ràng là ông H đã trả tiền lãi cho ông T 12.000.000 đồng/tháng kể từ ngày vay. Ông yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để làm rõ ông T có chuyển mã thanh toán cho ông H qua Zalo hay không.

Ba là: Việc xác minh lấy lời khai đối với anh Dũng và chị Thảo chưa thực hiện được, anh Dũng chị Thảo đi làm ăn vẫn có địa chỉ, chưa phải mất tích nên yêu cầu Tòa án tiếp tục làm rõ. Từ những nội dung trên, căn cứ vào các điều 214, 215, 219, 233, 259 Bộ luật tố tụng dân sự. Yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để làm rõ những nội dung trên mới giải quyết được vụ án. Tại phiên tòa, ông Dinh vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Văn Sản trình bày:* Tại phiên tòa ông Sản đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để đưa anh Phú là người làm việc cho anh T vào tham gia tố tụng để làm rõ việc ông H trả tiền cho anh T qua anh Phú và xác minh qua Zalo về chứng cứ anh T thừa nhận ông H còn nợ 91.000.000 đồng. Xác minh làm rõ việc ông H gửi tiền trả anh T qua các ngân hàng.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS - ST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện T. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản

1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228; khoản 3 Điều 144; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005. Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn T đối với ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương.

Buộc ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương phải trả cho anh Tạ Văn T và chị Đoàn Thị Nhung số tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 166.700.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi phải trả là 566.700.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của anh Tạ Văn T.

3. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 5.000.000 đồng chi phí giám định.

4. Án phí: Ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương phải chịu 26.668.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/10/2020 ông Tạ Văn H; bà Nguyễn Thị N; chị Tạ Thu Phương kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm và nêu ra 8 căn cứ, lý lẽ đề nghị cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 30/10/2020 ông H, bà N, chị Phương mỗi người nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, do ông H là người nộp tiền.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông Dinh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Bị đơn là ông Tạ Văn H vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền ông Dinh xin vắng mặt, gửi quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn như sau: Bản án dân sự của Tòa án huyện T đã tuyên buộc gia đình anh H phải trả cho anh T tổng số tiền cả gốc và lãi là 566.700.000đ. Buộc gia đình anh H phải chịu 26.668.000đ án phí dân sự sơ thẩm là không đúng với quy định của pháp luật, bởi lẽ:

1. Ông H cho rằng đơn khởi kiện và lời khai của ông Tạ Văn T là nguyên đơn đều khẳng định chưa trả một nghìn đồng tiền gốc và lãi nào. Vậy bản án đã công nhận ông H là bị đơn có trả 12.000.000 đồng, cả Hội đồng xét xử và người khởi kiện đã vi phạm pháp luật ?

2. Tòa không chấp nhận tiếp tục xác minh anh Dũng, chị Thảo những người có liên quan vì chưa phải là trường hợp công bố mất tích hoặc đã chết là vi phạm pháp luật ?

3. Tòa án không chấp nhận đưa Văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa và anh Phú để làm rõ vụ việc là vi phạm pháp luật ?

4. Ông H, ông Sấn và ông Dinh cũng đề nghị tra cứu Zalo để làm rõ việc ông T thừa nhận ông H chỉ còn nợ 91.000.000 đồng.

5. Tòa án không chấp nhận mã gửi tiền của ông H qua Ngân hàng trả cho anh T có chứng từ gửi cho Tòa án là vi phạm pháp luật ?

6. Hồ sơ vụ án chưa có biên bản tiếp nhận đơn khởi kiện của anh T mà Tòa án T vẫn thụ lý, quyết định xét xử và tuyên án là vi phạm pháp luật ?

7. Thẩm phán giải quyết vụ án bị tố cáo nhiều, nhưng đơn và các văn bản giải quyết tố cáo không có đầy đủ trong hồ sơ vụ án là vi phạm pháp luật.

8. Tòa án huyện T đã vu khống người bị kiện là vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Ngoài ra, ông Dinh có quan điểm: Liên quan đến hợp đồng vay tài sản các bên còn lập hợp đồng thế chấp tài sản. Mặc dù nguyên đơn khởi kiện và sau đó đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng thế chấp nhưng bị đơn vẫn yêu cầu xem xét đối với hợp đồng thế chấp này. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đối với hợp đồng thế chấp là thiếu sót nghiêm trọng ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và thi hành án sau này. Chính do việc thu thập, đánh giá chứng cứ, không đưa hết người tham gia tố tụng đầy đủ dẫn đến việc giải quyết nội dung vụ án chưa được khách quan đầy đủ và đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

+ Nguyên đơn anh T trình bày: Anh không đồng ý với ý kiến trình bày của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Anh T yêu cầu ông H, bà N và chị Phương phải trả cho vợ chồng anh 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính theo mức 0,75%/tháng từ khi vay ngày 22/10/2015, đến khi xét xử ngày 09/10/2020, anh không yêu cầu tính lãi sau ngày xét xử vụ án. Anh không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1: Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Tạ Văn H và người liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là

ông Hoàng Kông Dinh xin xử vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

1.2: Về quan hệ tranh chấp: Ngày 22/10/2015 giữa anh Tạ Văn T và ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N, chị Tạ Thu Phương có ký kết hợp đồng vay tiền. Đến hạn trả tiền nhưng gia đình anh H không thanh toán trả số tiền gốc và tiền lãi cho anh T. Ngày 01/4/2019 anh T nộp đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu gia đình ông H phải thanh toán trả số tiền gốc và lãi suất phát sinh. Đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quy định tại Điều 184; Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1. Xét yêu cầu kháng cáo của ông H, bà N, chị Phương nêu ra 8 căn cứ, lý lẽ đề nghị cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Ông H cho rằng đơn khởi kiện và lời khai của ông Tạ Văn T là nguyên đơn đều khẳng định chưa trả một nghìn đồng tiền gốc và lãi nào. Vậy bản án đã công nhận ông H là bị đơn có trả 12.000.000 đồng, cả Hội đồng xét xử và người khởi kiện đã vi phạm pháp luật ? Về nội dung này Tòa án đã căn cứ vào yêu cầu của ông H và việc ông H chuyển cho anh T ngày 08/3/2017 số tiền 12.000.000 đồng đây là tiền lãi ông H trả cho anh T. Còn anh T cho rằng nhà anh làm dịch vụ chuyển tiền và đây là số tiền ông H chuyển qua rồi lại rút ra sử dụng nhưng anh T không xuất trình được chứng cứ ông H rút số tiền này về nên Tòa án đã chấp nhận ông H đã trả lãi cho anh T 12.000.000 đồng là có căn cứ.

2. Tòa không chấp nhận tiếp tục xác minh anh Dũng, chị Thảo những người có liên quan vì chưa phải là trường hợp công bố mất tích hoặc đã chết là vi phạm pháp luật ? Về nội dung này ông H cho rằng ông đã gửi tiền trả cho anh T qua anh Nguyễn Tuấn Dũng, sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1974 đều ở thôn Sơn Thọ, xã Sơn Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Cụ thể, ông H đã gửi trả qua anh Dũng 27.000.000 đồng, qua chị Thảo 37.000.000 đồng và khoản tiền 7.000.000 đồng chị Thảo đã trả nợ hộ ông bằng cách gửi qua ngân hàng ngày 14/4/2017 cho anh T, nhưng anh T trình bày đây là tiền chị Thảo chuyển qua nhà anh rồi lại rút ra sử dụng, không phải là tiền trả nợ hộ ông H. Ông H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Tòa án đã ủy thác lấy lời khai của anh Dũng và chị Thảo để làm rõ sự việc nhưng kết quả ủy thác cho thấy không có ai là Dũng ở địa chỉ như ông H cung cấp, còn chị Thảo thì bỏ đi làm ăn xa, lâu ngày không thấy trở về địa phương. H nữa việc cung cấp chứng cứ để chứng minh là nghĩa vụ của ông H, bà N và chị Phương.

3. Tòa án không chấp nhận đưa Văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa và anh Phú để làm rõ vụ việc là vi phạm pháp luật ? Về yêu cầu của phía bị đơn, yêu cầu đưa Văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa vào tham gia tố tụng và tuyên bố hợp đồng vay tiền ngày 22/10/2015 vô hiệu, yêu cầu này ông H nêu ra sau khi Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; các đương sự đều thừa nhận ngày 22/10/2015 vợ chồng ông H và chị Phương có vay của anh T 400.000.000 đồng, hai bên lập hợp đồng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa và còn làm giấy

biên nhận tiền. Hơn nữa Hợp đồng vay tiền không bắt buộc phải công chứng, chứng thực vẫn có hiệu lực pháp luật. Vì vậy Tòa án không đưa Văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

4. Ông H, ông Sản và ông Dinh cũng đề nghị tra cứu Zalo để làm rõ việc ông T thừa nhận ông H chỉ còn nợ 91.000.000 đồng. Qua xem xét tờ giấy phô tô ông H cung cấp (BL 55) thì nội dung là “H N – Ngò ngày 23/01/2016 vay 400.000.000 đồng”, bên dưới có chữ “còn nợ lãi = 91.000.000 đồng”, không có chữ ký của ai. Anh T không thừa nhận ông H còn nợ 91.000.000 đồng. Ông H không biết số điện thoại của mình liên lạc Zalo với anh T là số nào, nên Tòa án không có căn cứ tra cứu theo yêu cầu của các ông H, mà ông H phải có nghĩa vụ chứng minh.

5. Tòa án không chấp nhận mã gửi tiền của ông H qua Ngân hàng trả cho anh T có chứng từ gửi cho Tòa án là vi phạm pháp luật ? Về nội dung này Tòa án đã căn cứ vào yêu cầu của ông H và việc ông H chuyển cho anh T ngày 08/3/2017 số tiền 12.000.000 đồng đây là tiền lãi ông H trả cho anh T. Còn anh T cho rằng nhà anh làm dịch vụ chuyển tiền và đây là số tiền ông H chuyển qua rồi lại rút ra sử dụng nhưng anh T không xuất trình được chứng cứ ông H rút số tiền này, nên Tòa án đã chấp nhận yêu cầu này của ông H là đã trả lãi cho anh T 12.000.000 đồng.

6. Hồ sơ vụ án chưa có biên bản tiếp nhận đơn khởi kiện của anh T mà Tòa án T vẫn thụ lý, quyết định xét xử và tuyên án là vi phạm pháp luật ? Về nội dung này qua xem xét thấy ngày 01/4/2019 anh Tạ Văn T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án Tòa án huyện T, đến ngày 09/4/2019 Tòa án huyện T đã có thông báo số 25/TB-TA yêu cầu anh Tạ Văn T sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; đến ngày 16/4/2019 Tòa án huyện T có thông báo số 44/TB-TLVA Thông báo thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Trong đơn kháng cáo của ông H, bà N, chị Phương tại mục 7, 8 cho rằng Thẩm phán giải quyết vụ án bị tố cáo nhiều, nhưng đơn và các văn bản giải quyết tố cáo không có trong hồ sơ vụ án; Tòa án huyện T đã vu khống người bị kiện là vi phạm pháp luật, nhưng không đưa ra căn cứ để chứng minh, nên không xem xét.

Ngoài ra trong quá trình Tòa án huyện T thụ lý giải quyết vụ án, trong các bản tự khai, lời trình bày của bị đơn, của người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà N là ông Dinh, ông Sản và tại phiên tòa sơ thẩm, toàn bộ nội dung kháng cáo của ông H, bà N, chị Phương đã được Tòa án huyện T xem xét phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ đối với các căn cứ, lý lẽ và yêu cầu của bị đơn đã nêu.

Cụ thể là: Cả nguyên đơn, các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều trình bày, ngày 22/10/2015, ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương có vay của vợ chồng anh T số tiền 400.000.000 đồng. Hai bên lập hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa, mục đích ông H vay tiền để mua xe ô tô chở khách kinh doanh, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn cho vay là 06 tháng. Gia đình ông H đã thế chấp thửa đất số 80, tờ bản đồ số 16, diện tích 180m² và tài sản gắn liền trên đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho anh T. Đây là sự tự thừa nhận của các đương sự, phù hợp với nội dung “Hợp đồng vay tiền” và “Giấy biên nhận” đều ngày 22/10/2015. Bị đơn ông H, bà N, chị phương và những người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không chứng minh được đã trả anh T 400.000.000 đồng tiền gốc.

Vì vậy, Tòa án căn cứ vào tính chất của vụ án và quy định của pháp luật, không chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tiền ngày 22/10/2015 vô hiệu, không đưa Văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa vào tham gia tố tụng và quyết định. Buộc ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương phải trả cho anh Tạ Văn T và chị Đoàn Thị Nhung số tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 166.700.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi phải trả là 566.700.000 đồng là có căn cứ.

Như vậy, yêu cầu kháng cáo của ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương là không có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm anh H, chị N, cháu Phương không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh H, chị N, cháu Phương.

[3] Với những phân tích trên, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, bà N, chị Phương phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1, Điều 308 BLTTDS; không chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228; khoản 3 Điều 144; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005. Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn T đối với ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương.

Buộc ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương phải trả cho anh Tạ Văn T và chị Đoàn Thị Nhung số tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 166.700.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi phải trả là 566.700.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của anh Tạ Văn T.

- Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 5.000.000 đồng chi phí giám định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương phải chịu 26.668.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tạ Văn H, bà Nguyễn Thị N và chị Tạ Thu Phương mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận ông H đã nộp đủ án phí DSPT theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0000058,

AA/2020/0000057, AA/2020/0000059 đều cùng ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Dung